TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 33/2025/DS-ST
Ngày 30/7-2025
"V/v đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Chiến.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A - An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A- An Giang***:** Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A - An Giang (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc "tranh chấp đòi lại tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm B, xã C, tỉnh An Giang; (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1981 và bà Lê Hồng C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ F, ấp H, xã T, tỉnh An Giang; (ông H có mặt, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là Lương Thị T trình bày: Vào khoản năm 2019 bà và ông Trần Thanh H có thoả thuận hùn vốn, bà đưa cho ông H số tiền 150.000.000 đồng để ông H mua một chiếc ghe, biển kiểm soát 61019 dùng để chở khách du lịch tại

xã T, thành phố H, sau đó bà đưa thêm cho ông H số tiền 5.000.000 đồng để mua hộp số của ghe. Tuy nhiên, sau khi mua ghe chạy chở khách và dùng vào việc mua bán hải sản kiếm lời nhưng ông H không chia tiền lời cho bà. Bà T đã gặp ông H để thương lượng thì vợ chồng ông H, bà C hứa sẽ giao chiếc ghe cho bà nhưng ông H, bà C không thực hiện. Bà có thưa lên ấp nhiều lần nhưng chưa được giải quyết. Đến tháng 3/2024 bà có khởi kiện ông H, bà C tại Toà án nhân dân thành phố Hà Tiên, tại Toà án ông H hứa sẽ trả hàng tháng cho bà số tiền 5.000.000 đồng bắt đầu trả vào ngày 30/9/2024 nên bà rút đơn khởi kiện. Nhưng sau đó ông H không thanh toán như thoả thuận, chỉ trả cho bà được 4 lần, tổng cộng 20.000.000 đồng, bà có nhiều lần tìm vợ chồng ông H, bà C thanh toán số tiền còn lại, nhưng vợ chồng ông H, bà C không thanh toán. Nay bà yêu cầu ông Trần Thanh H và bà Lê Hồng C phải trả cho bà số tiền 130.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Thanh H trình bày: Thống nhất ý kiến nguyên đơn, trước đây ông và bà Lương Thị T có hùn vốn mua một chiếc ghe để chạy chở khách du lịch nhưng sau này do dịch bệnh không hoạt động được, ghe thì đậu không hoạt động nên hư hỏng. Hiện nay ghe không còn hoạt động, ông H phải đi làm thuê cho người khác, không có tiền trả cho bà T, hiện còn nợ bà T số tiền 130.000.000 đồng, gia đình ông H hiện nay rất khó khăn nên xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Vợ ông H tên Lê Hồng C hiện đang đi làm trên Thành phố Hồ Chí Minh nên không tham gia phiên toà. Trước đây, số tiền hoạt động từ ghe ông H đã chi tiêu cho gia đình, bà C cũng biết số tiền nợ bà T.

Bị đơn bà bà Lê Hồng C đã được Toà án tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà C vẫn vắng mặt, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Toà án đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản. Trong vụ án này bị đơn Trần Thanh H và bà Lê Hồng C cư trú tại tổ F, ấp H, xã T, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A – An Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lê Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Vào khoản năm 2019 bà Lương Thị T và ông Trần Thanh H có thoả thuận hùn vốn, bà T đưa cho ông H số tiền 150.000.000 đồng để ông H mua 01 chiếc ghe, biển kiểm soát 61019 dùng để chở khách du lịch tại xã T, thành phố H, sau đó bà đưa thêm cho ông H số tiền 5.000.000 đồng để mua hộp số của ghe. Tuy nhiên sau khi mua ghe chạy chở khách và dùng vào việc mua bán hải sản kiếm lời nhưng ông H không chia tiền lời cho bà. Sau đó bà gặp ông H để đòi thương lượng thì vợ chồng ông H, bà C hứa sẽ giao chiếc ghe cho bà nhưng ông H, bà C không thực hiện. Bà có thưa lên ấp nhiều lần nhưng chưa được giải quyết, đến tháng 3/2024 bà có khởi kiện ông H, bà C tại Toà án nhân dân thành phố H, tại Toà án ông H hứa sẽ trả hàng tháng cho bà số tiền 5.000.000 đồng bắt đầu trả vào ngày 30/9/2024 nên bà rút đơn khởi kiện và ông H có ký vào Tờ cam kết ngày 30/8/2024, ông H thừa nhận vợ chồng ông có nợ bà T số tiền 145.000.000 đồng và nhận thêm 5.000.000đ mua hộp số ghe, tổng là 150.000.000đ. Nhưng sau đó ông H không thực hiện lời hứa, chỉ trả cho bà được 4 lần, tổng cộng 20.000.000 đồng, bà có nhiều lần tìm vợ chồng ông H, bà C để đòi nhưng ông bà không trả. Nay bà yêu cầu ông Trần Thanh H và bà Lê Hồng C phải trả cho bà số tiền 130.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Quyền đòi lại tài sản *"1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. 2. Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ sự chiếm hữu của chủ thể đang có quyền khác đối với tài sản đó"*. Do đó yêu cầu của bà Lương Thị T đối với ông H, bà C về việc trả lại khoản tiền nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên Tòa bà T yêu cầu ông H, bà C phải thanh toán cho ông số tiền nêu trên. Ông Trần Thanh H thống nhất có nợ bà T số tiền 130.000.000 đồng và thu nhập từ việc chạy ghe mua từ tiền hùn với bà T dùng để chi tiêu phát triển kinh tế gia đình nên cần buộc bà C có nghĩa vụ cùng thanh toán cho bà T số tiền nêu trên, ông H xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà T không đồng ý hướng trả nợ của ông H do đó yêu cầu của ông H là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Thanh H và bà Lê Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự khu vực A, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 35, 39, 147, 218, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Thanh H và bà Lê Hồng C thanh toán cho bà Lương Thị T số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Thanh H và bà Lê Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho nguyên đơn bà Lương Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng theo biên lai thu số 0008390 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà T, bị đơn ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà C vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực A – An Giang;
- Thi hành án dân sự khu vự A - An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Diễm